ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH DỰ KIẾN HỘ NGHÈO
RÀ SOÁT GIAI ĐOẠN 2027-2030 SAU KHI RÀ SOÁT

(Kèm theo Thông báo số 7491/TB-UBND, ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã An Cư)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Địa chỉ
		Nam	Nữ	(Ghi theo thứ tự thôn/tổ)
I	**Hộ Nghèo**			
I.1	**Hộ nghèo sau rà soát giai đoạn 2027 - 2030 năm 2026**			
01	Nèang Chanh Nát		01/01/1976	Tổ 01, Văn Râu
02	Nèang Nhônh		09/08/1964	Tổ 01, Văn Râu
03	Neàng Nheo		01/01/1978	Tổ 2, Văn Râu
04	Chau Kim	01/01/1955		Tổ 2, Văn Râu
05	Neàng Sanh		01/01/1967	Tổ 2, Văn Râu
06	Neàng Phon		01/01/1982	Tổ 2, Văn Râu
07	Neàng Siêu		01/01/1962	Tổ 3, Văn Râu
08	Neàng Liên		01/01/1961	Tổ 3, Văn Râu
09	Nèang Tiêu		01/01/1945	Tổ 4, Văn Râu
10	Chau Quath	15/05/1954		Tổ 4, Văn Râu
11	Chau Rôm	01/01/1977		Tổ 5. Văn Râu
12	Neàng Nhây		01/01/1958	Tổ 6. Văn Râu
13	Sơn HanL	01/01/1964		Tổ 6. Văn Râu
14	Chau Tha	20/10/1979		Tổ 6. Văn Râu
15	Nèang Dưng		17/06/1958	Tổ 7. Văn Râu
16	Nèang Huyền		01/01/1958	Tổ 7. Văn Râu
17	Chau Nuốc	01/01/1931		Tổ 7. Văn Râu
18	Neàng Phonh		01/01/1947	Tổ 7. Văn Râu
19	Chau Sang	20/04/1975		Tổ 7. Văn Râu
20	Neàng Chanh Thiệt		01/01/1985	Tổ 7. Văn Râu
21	Chau Sôth	15/06/1947		Tổ 7. Văn Râu
22	Chau Nên	01/01/1984		Tổ 8. Văn Râu
23	Chau Sê	15/10/1977		Tổ 8. Văn Râu
24	Nèang Sóc Khum		01/01/1958	Tổ 8. Văn Râu
25	Chau Phinh	01/01/1942		Tổ 9. Văn Râu
26	Chau Phiêu	01/01/1970		Tổ 9. Văn Râu
27	Chau Phách	01/01/1970		Tổ 9. Văn Râu

28	Neàng Rôm		01/01/1977	Tổ 9. Văn Râu
29	Nèang Sóc KhonL		01/01/1965	Tổ 10. Văn Râu
30	Chau Thia	01/01/1947		Tổ 14. Văn Râu
31	Chau Poóc	01/01/1943		Tổ 14. Văn Râu
32	Chau Nhốs	01/01/1946		Tổ 14. Văn Râu
33	Chau Pếch Chanh Ra	01/01/1978		Tổ 14. Văn Râu
34	Nèang Khi		01/01/1963	Tổ 16. Văn Râu
35	Chau DươL	16/07/1967		Tổ 16. Văn Râu
36	Neàng Sương		01/01/1965	Tổ 16. Văn Râu
37	Neàng Nhiêu		01/01/1953	Tổ 16. Văn Râu
38	Chau Som Bô	01/01/1968		Tổ 16. Văn Râu
39	Chau Sau	25/07/1969		Tổ 17. Văn Râu
40	Chau BaL	15/04/1968		Tổ 18. Văn Râu
41	Chau Nhan	01/01/1972		Tổ 18. Văn Râu
42	Chau Tương	18/07/1956		Tổ 19. Văn Râu
43	Nèang Nhên		26/03/1961	Tổ 19. Văn Râu
44	Chau Tiên	01/01/1952		Tổ 19. Văn Râu
45	Chau Chướp	01/01/1953		Tổ 19. Văn Râu
46	Chau Đi	15/10/1992		Tổ 20. Văn Râu
47	Chau Sơn	01/01/1970		Tổ 20. Văn Râu
48	Chau Bal	01/01/1970		Tổ 20. Văn Râu
49	Chau SoL	19/01/1991		Tổ 21. Văn Râu
50	Neàng Chriếch		01/01/1987	Tổ 22. Văn Râu
51	Chau Kanh	01/01/1974		Tổ 22. Văn Râu
52	Nèang VươL		01/01/1953	Tổ 22. Văn Râu
53	Chau Bok	01/01/1971		Tổ 22. Văn Râu
54	Phạm Văn Sơn	05/04/1948		Tổ 22. Văn Râu
55	Nguyễn Thị Hoa		17/09/1967	Tổ 23. Văn Râu
56	Phan Văn Lợi	01/01/1957		Tổ 25. Văn Râu
57	Nguyễn Trường Giang	05/05/1990		Tổ 25. Văn Râu
58	Nguyễn Văn Ban	01/01/1956		Tổ 25. Văn Râu
59	Trần Văn Sáu	01/01/1984		Tổ 25. Văn Râu
60	Nguyễn Thị Út		01/01/1947	Tổ 26. Văn Râu
61	Võ Thị ở		01/01/1950	Tổ 26. Văn Râu
62	Nguyễn Văn Hùng	15/05/1963		Tổ 26. Văn Râu
63	Ngô Văn Của	01/01/1966		Tổ 26. Văn Râu
64	Phạm Thị Tới		01/01/1943	Tổ 28, Văn Râu
65	Nguyễn Văn Phê	01/10/1958		Tổ 28, Văn Râu
66	Nguyễn Văn Nghét	25/04/1956		Tổ 28, Văn Râu

67	Trương Thị Sinh		01/01/1964	Tổ 28, Văn Râu
68	Lê Văn Thiện	13/01/1991		Tổ 28, Văn Râu
69	Neàng Onh		10/05/1962	Tổ 1, Mằng Rò
70	Chau Yên	01/01/1942		Tổ 1, Mằng Rò
71	Neàng Kim		01/01/1975	Tổ 1, Mằng Rò
72	Chau Mét	01/01/1966		Tổ 1, Mằng Rò
73	Chau Sơn	01/01/1971		Tổ 1, Mằng Rò
74	Chau Ra	15/05/1990		Tổ 1, Mằng Rò
75	Chau Rươn	01/01/1976		Tổ 1, Mằng Rò
76	Nguyễn Thị Kim Điệp		01/01/1952	Tổ 2, Mằng Rò
77	Chau Son La	01/01/1981		Tổ 2, Mằng Rò
78	Neàng Sương		01/01/1955	Tổ 2, Mằng Rò
79	Chau Chat	01/01/1993		Tổ 2, Mằng Rò
80	Neàng Nhây		10/02/1986	Tổ 3, Mằng Rò
81	Neàng Phal		01/01/1977	Tổ 3, Mằng Rò
82	Lê Minh Tiếng	01/01/1947		Tổ 3, Mằng Rò
83	Chau Chhuôn	01/01/1949		Tổ 04, Mằng Rò
84	Neàng Khiêu		01/01/1952	Tổ 5, Mằng Rò
85	Chau Al	01/01/1978		Tổ 05, Mằng Rò
86	Chau Thia	01/01/1957		Tổ 05, Mằng Rò
87	Neàng Siêm		01/01/1958	Tổ 05, Mằng Rò
88	Neàng Phenl		08/03/1992	Tổ 05, Mằng Rò
89	Trương Thị Cảnh		01/01/1974	Tổ 6, Mằng Rò
90	Neàng Sum		01/01/1968	Tổ 7, Mằng Rò
91	Neàng Ôl		01/01/1945	Tổ 7, Mằng Rò
92	Neàng Sa Em		01/01/1949	Tổ 8, Mằng Rò
93	Nèang Nhây		01/01/1970	Tổ 8, Mằng Rò
94	Nguyễn Thị Thuỳ Nga		01/01/1977	Tổ 9, Mằng Rò
95	Neàng Sa Ngao		02/07/1960	Tổ 09, Mằng Rò
96	Neàng Sóc Khên		01/01/1973	Tổ 09, Mằng Rò
97	Chau Son	01/01/1979		Tổ 09, Mằng Rò
98	Lê Văn Đáo	05/05/1948		Tổ 10, Mằng Rò
99	Chau Mân	01/01/1968		Tổ 10, Mằng Rò
100	Chau Bông	21/01/1975		Tổ 11, Mằng Rò
101	Neàng Don	01/01/1957		Tổ 11, Mằng Rò
102	Neàng Sóc Phơ		1976	Tổ 12, Mằng Rò
103	Dương Thị Tâm		04/09/1956	Tổ 12, Mằng Rò
104	Neàng Thương		18/09/1970	Tổ 12, Mằng Rò
105	Neàng Sóc Kum		005/06/1950	Tổ 12, Mằng Rò

106	Chau Khên	01/01/1977		Tổ 12, Mằng Rò
107	Neàng Bông		05/06/1969	Tổ 14, Mằng Rò
108	Neàng Bư		01/01/1988	Tổ 14, Mằng Rò
109	Châu Sath	01/01/1969		Tổ 14, Mằng Rò
110	Chau Pết Ry	02/03/1980		Tổ 14, Mằng Rò
111	Neàng Ban		01/01/1970	Tổ 15, Mằng Rò
112	Chau Sóc Chanh	13/04/1973		Tổ 15, Mằng Rò
113	Neàng Kim Vương		20/02/1986	Tổ 16, Mằng Rò
114	Chau Sa Rếch	15/05/1980		Tổ 16, Mằng Rò
115	Chau Pâu Ra Đa	24/01/1985		Tổ 16, Mằng Rò
116	Nèang Pinh		01/01/1950	Tổ 16, Mằng Rò
117	Neàng Nol		06/06/1963	Tổ 16, Mằng Rò
118	Chau Long	01/01/1970		Tổ 17, Mằng Rò
119	Chau Mốs	01/01/1964		Tổ 17, Mằng Rò
120	Nguyễn Thị XuânThu		09/101979	Tổ 17, Mằng Rò
121	Đinh Văn Thơi	08/10/1955		Tổ 18, Mằng Rò
122	Đoàn Văn Dũng	01/01/1975		Tổ 18, Mằng Rò
123	Lê Văn Phúc	09/09/1988		Tổ 18, Mằng Rò
124	Nguyễn Thanh Hạnh	16/01/1987		Tổ 18, Mằng Rò
125	Trần Văn Dũng	01/01/1978		Tổ 18, Mằng Rò
126	Neàng Chanh Ra		12/08/1988	Tổ 1, Đây Cà Hom
127	Neàng Noi		01/01/1962	Tổ 1, Đây Cà Hom
128	Tạ Thị Tiến		01/01/1961	Tổ 1, Đây Cà Hom
129	Neàng Dên		01/01/1962	Tổ 1, Đây Cà Hom
130	Neàng Nem		01/01/1955	Tổ 2, Đây Cà Hom
131	Neàng Hây		01/01/1955	Tổ 2, Đây Cà Hom
132	Neàng Mươnl		01/01/1961	Tổ 4, Đây Cà Hom
133	Neàng Kinh		01/01/1962	Tổ 4, Đây Cà Hom
134	Neàng Liên		01/01/1967	Tổ 4, Đây Cà Hom
135	Chau Chách	01/01/1971		Tổ 4, Đây Cà Hom
136	Nguyễn Văn A	01/01/1940		Tổ 5, Đây Cà Hom
137	Neàng Sâm		01/01/1936	Tổ 6, Đây Cà Hom
138	Thạch Thị Sa Quơl		12/08/1949	Tổ 6, Đây Cà Hom
139	Neàng Se		09/09/1949	Tổ 6, Đây Cà Hom
140	Neàng Na		01/01/1972	Tổ 7, Đây Cà Hom
141	Chau Chhươn	01/01/1957		Tổ 8, Đây Cà Hom
142	Neàng Sam Bát		01/01/1965	Tổ 8, Đây Cà Hom
143	Chau Kim Đen	02/11/1988		Tổ 10, Đây Cà Hom
144	Chau Con	01/01/1971		Tổ 12, Đây Cà Hom

145	Chau Boi	1963		Tổ 12, Đây Cà Hom
146	Huỳnh Thị Mỹ Dung		10/09/1962	Tổ 12, Đây Cà Hom
147	Neáng Honh		01/01/1970	Tổ 12, Đây Cà Hom
148	Chau Sóc Phươnl	16/5/1989		Tổ 12, Đây Cà Hom
149	Neàng Ny		01/8/1989	Tổ 12, Đây Cà Hom
150	Neàng Mi		01/01/1951	Tổ 12, Đây Cà Hom
151	Trần Lý Lợi	01/01/1981		Tổ 12, Đây Cà Hom
152	Chau Neo	01/01/1960		Tổ 13, Đây Cà Hom
153	Nguyễn Thị Giờ		01/01/1945	Tổ 13, Đây Cà Hom
154	Neàng Sóc Phi		01/01/1951	Tổ 13, Đây Cà Hom
155	Chau Cót	08/9/1986		Tổ 13, Đây Cà Hom
156	Chau Ry	01/02/1953		Tổ 13, Đây Cà Hom
157	Neàng Cốp		19/05/1976	Tổ 13, Đây Cà Hom
158	Neàng Binh		01/01/1950	Tổ 14, Đây Cà Hom
159	Lương Văn Thơm	03/07/1964		Tổ 14, Đây Cà Hom
160	Trần Thị Tuyết Mai		01/01/1970	Tổ 14, Đây Cà Hom
161	Nguyễn Phước Sang		01/01/1978	Tổ 14, Đây Cà Hom
162	Võ Thị Út Sinh		01/05/1985	Tổ 15, Đây Cà Hom
163	Neàng Thươn		11/05/1982	Tổ 15, Đây Cà Hom
164	Neàng Kon		15/02/1950	Tổ 17, Đây Cà Hom
165	Chau Quết	09/10/1961		Tổ 17, Đây Cà Hom
166	Chau Lanl	19/01/1969		Tổ 18, Đây Cà Hom
167	Neàng Cà Phon		01/01/1960	Tổ 18, Đây Cà Hom
168	Chau Tư	01/01/1967		Tổ 18, Đây Cà Hom
169	Trần Thị Sáng		01/01/1952	Tổ 1, Vĩnh Tâm
170	Neàng Thốnt		01/01/1943	Tổ 3, Vĩnh Tâm
171	Chau Cương	01/01/1985		tổ 4 Vĩnh Tâm
172	Đặng Thị Ngọc Thủy		01/01/1978	tổ 4 Vĩnh Tâm
173	Neàng Ly		01/01/1963	tổ 4 Vĩnh Tâm
174	Tiếp Thị Hương		06/12/1973	Tổ 04 Vĩnh Tâm
175	Neàng Hươl		01/01/1961	tổ 6 Vĩnh Tâm
176	Neang Pha La		30/06/1998	tổ 7 Vĩnh Tâm
177	Neàng Sây		01/01/1941	tổ 7 Vĩnh Tâm
178	Neàng Kiên		01/01/1946	Tổ 7, Vĩnh Tâm
179	Neang Kên		01/01/1959	Tổ 7, Vĩnh Tâm
180	Đinh Thị Kim		10/02/1979	tổ 8 Vĩnh Tâm
181	Néang Sóc Kết		01/01/1960	Tổ 08 Vĩnh Tâm
182	Neàng So		01/01/1949	tổ 9 Vĩnh Tâm
183	Chau Ra	01/01/1930		Tổ 09 Vĩnh Tâm

184	Chau Thay	01/01/1976		Tổ 10, Vĩnh Tâm
185	Neàng Ônl		01/01/1976	tổ 11, Vĩnh Tâm
186	Chau Tốc	01/01/1939		tổ 11, Vĩnh Tâm
187	Đặng Văn Tâm	01/01/1949		Tổ 01 Vĩnh Tâm
188	Nèang Sa Nan		01/01/1973	Tổ 11 Vĩnh Tâm
189	Nèang Chanh Thi		01/01/1974	Tổ 11 Vĩnh Tâm
190	Nèang Sanh		01/01/1954	Tổ 11 Vĩnh Tâm
191	Nèang Run Duôl		16/3/1986	Tổ 11 Vĩnh Tâm
192	Nèang Nho		01/01/1940	Tổ 11 Vĩnh Tâm
193	Nèang Kia		01/01/1942	Tổ 11 Vĩnh Tâm
194	Neàng Sanh		08/06/1958	Tổ 11, Vĩnh Tâm
195	Neàng Pôn		01/01/1944	Tổ 01 Vĩnh Tây
196	Chau Quanh	01/01/1959		Tổ 01 Vĩnh Tây
197	Nèang Sol		01/01/1956	Tổ 02 Vĩnh Tây
198	Neàng Chhấp		01/01/1971	Tổ 02 Vĩnh Tây
199	Neàng Giau		01/01/1953	Tổ 03 Vĩnh Tây
200	Neàng Mum		01/01/1958	Tổ 06 Vĩnh Tây
201	Sô Sa Vươnl		12/01/1988	Tổ 06 Vĩnh Tây
202	Neàng Mum		01/01/1940	Tổ 06 Vĩnh Tây
203	Nèang Tem		01/01/1951	Tổ 06 Vĩnh Tây
204	Nguyễn Thị Mai		01/01/1965	Tổ 06 Vĩnh Tây
205	Nèang Rum		01/01/1944	Tổ 06 Vĩnh Tây
206	Neàng Sươnh		01/01/1950	Tổ 08 Vĩnh Tây
207	Chau Nhen	01/01/1952		Tổ 09 Vĩnh Tây
208	Neàng Sóc Khên		01/01/1973	Tổ 07 Vĩnh Tây
209	Chau Nhưm	01/01/1979		Tổ 10 Vĩnh Tây
210	Neàng Kim Sang		01/01/1984	Tổ 10 Vĩnh Tây
211	Nèang Chanh Tha		01/01/1978	Tổ 10 Vĩnh Tây
212	Néang Him		01/01/1956	Tổ 02, Vĩnh Hạ
213	Nèang Sưa		01/01/1958	Tổ 02, Vĩnh Hạ
214	Nèang Sóc Khum		01/01/1960	Tổ 02, Vĩnh Hạ
215	Neàng Pâu		01/01/1957	Tổ 05 Vĩnh Hạ
216	Neàng Pheo		01/01/1994	Tổ 5, Vĩnh Hạ
217	Chau Chanh Thonh	01/01/1978		Tổ 05, Vĩnh Hạ
218	Neang Sô Pháth		01/01/1953	Tổ 06, Vĩnh Hạ
219	Nèang Hên		01/01/1954	Tổ 06, Vĩnh Hạ
220	Nèang Đa Nê		02/03/1951	Tổ 06, Vĩnh Hạ
221	Nèang Phách		01/01/1951	Tổ 06, Vĩnh Hạ
222	Nèang Sóc Khênh		12/02/1988	Tổ 06, Vĩnh Hạ

223	Chau Bách	21/1/1990		Tổ 06, Vĩnh Hạ
224	Chau Conl	01/01/1948		Tổ 06, Vĩnh Hạ
225	Nèang Nát		01/01/1979	Tổ 07, Vĩnh Hạ
226	Chau Khol	04/04/1991		Tổ 07, Vĩnh Hạ
227	Nèang Kim Sang		01/01/1961	Tổ 07, Vĩnh Hạ
228	Nèang Kim Sương		15/3/1967	Tổ 08, Vĩnh Hạ
229	Dương Quốc Cường	01/01/1984		Tổ 08 Vĩnh Hạ
230	Trần Thị Mãi		01/01/1956	Tổ 8, Vĩnh Hạ
231	Vũ Thị Huấn		01/01/1949	Tổ 09, Vĩnh Hạ
232	Nguyễn Văn Hòa	01/011954		Tổ 09 Vĩnh Hạ
233	Hồ Thị Nhị		01/01/1971	Tổ 09, Vĩnh Hạ
234	Nèang Pi		01/01/1971	Tổ 10, Vĩnh Hạ
235	Nèang Dao		01/01/1952	Tổ 10, Vĩnh Hạ
236	Lê Trung Tới	01/01/1970		Tổ 11, Vĩnh Hạ
237	Phan Văn Cường	18/10/1983		Tổ 11, Vĩnh Hạ
238	Võ Văn Liến	09/05/1971		Tổ 11, Vĩnh Hạ
239	Lê Văn Dương	24/10/1994		Tổ 11, Vĩnh Hạ
240	Trần Văn Châu	01/01/1964		Tổ 12, Vĩnh Hạ
241	Nguyễn Thành Sơn	01/01/1949		Tổ 12 Vĩnh Hạ
242	Huỳnh Văn Tồng	01/01/1973		Tổ 12, Vĩnh Hạ
243	Trần Văn Tùng	01/01/1976		Tổ 13 Vĩnh Hạ
244	Trần Thị Thẳng		01/01/1962	Tổ 13, Vĩnh Hạ
245	Bùi Anh Dũng	20/9/1966		Tổ 13, Vĩnh Hạ
246	Trần Văn Dạng	01/01/1973		Tổ 13, Vĩnh Hạ
247	Trần Văn Hùng	01/01/1969		Tổ 13, Vĩnh Hạ
248	Trần Văn Đạt	10/10/1991		tổ 01, Vĩnh Lập
249	Trần Minh Trung	29/08/1987		Tổ 01, Vĩnh Lập
250	Trần Văn Thanh	22/09/1990		Tổ 02, Vĩnh Lập
251	Trần Thị Hương		01/01/1964	tổ 02, Vĩnh Lập
252	Lê Thành Út	12/04/1980		tổ 02, Vĩnh Lập
253	Trần Thị Hương		28/5/1962	Tổ 02, Vĩnh Lập
254	Trần Văn Hùng	09/09/1969		Tổ 03, Vĩnh Lập
255	Trần Văn Thanh Hiển	01/01/1983		Tổ 04, Vĩnh Lập
256	Chau Kim Suân	01/10/1988		Tổ 04, Vĩnh Lập
257	Neàng Ra		09/01/1989	Tổ 05, Vĩnh Lập
258	Neàng Sóc Phon		01/01/1965	Tổ 06, Vĩnh Lập
259	Chau Rích	10/08/1991		Tổ 06, Vĩnh Lập
260	Chau Đo	01/01/1981		Tổ 06, Vĩnh Lập
261	Neàng Nhe		01/01/1954	Tổ 06, Vĩnh Lập

262	Chau Sóc	01/01/1938		Tổ 06, Vĩnh Lập
263	Chau Hữu Sóc	01/01/1948		Tổ 07, Vĩnh Lập
264	Nèang Bonl		01/01/1962	Tổ 07, Vĩnh Lập
265	Chau Chư	10/6/1968		Tổ 07, Vĩnh Lập
266	Chau Chiêng	01/01/1968		Tổ 07, Vĩnh Lập
267	Nguyễn Thị Đào		01/01/1956	Tổ 08, Vĩnh Lập
268	Chau Mone	01/01/1963		Tổ 08, Vĩnh Lập
269	Danh Kiên	08/9/1978		Tổ 08, Vĩnh Lập
270	Trần Thị Chao		01/01/1936	Tổ 09, Vĩnh Lập
271	Lê Thị Đành		01/01/1953	Tổ 01, Vĩnh Đông
272	Nguyễn Thị Hoa		01/01/1965	Tổ 01, Vĩnh Đông
273	Trần Văn Giai	03/10/1959		Tổ 01, Vĩnh Đông
274	Lê Thị On	01/01/1956		Tổ 02, Vĩnh Đông
275	Trần Thị Bơi		01/01/1966	Tổ 02, Vĩnh Đông
276	Nguyễn Văn Kết	01/01/1954		Tổ 02, Vĩnh Đông
277	Đặng Văn Hiền	01/01/1972		Tổ 02, Vĩnh Đông
278	Nguyễn Văn Tưởng	01/01/1950		Tổ 02, Vĩnh Đông
279	Đoàn Văn Phú	01/01/1954		Tổ 03, Vĩnh Đông
280	Nguyễn Văn Lợi	01/01/1942		Tổ 03, Vĩnh Đông
281	Nguyễn Thanh Sơn	01/01/1969		Tổ 04, Vĩnh Đông
282	Nguyễn Ngọc Nhung		01/01/1970	Tổ 04, Vĩnh Đông
283	Huỳnh Văn Khôn	01/01/1981		Tổ 04, Vĩnh Đông
284	Phạm Thị Bê		01/01/1951	Tổ 04, Vĩnh Đông
285	Nguyễn Thành Hương	01/01/1958		Tổ 04, Vĩnh Đông
286	Nguyễn Thị Lặt		01/01/1955	Tổ 04, Vĩnh Đông
287	Nguyễn Văn Thơ	01/01/1965		Tổ 04, ấp Vĩnh Đông
288	Nguyễn Thị Điển		01/01/1962	Tổ 05, Vĩnh Đông
289	Cao Văn Tuấn	09/09/1985		Tổ 05, Vĩnh Đông
290	Trịnh Thị Phân		01/01/1950	Tổ 05, ấp Vĩnh Đông
291	Huỳnh Văn Hanh	01/01/1960		Tổ 05, ấp Vĩnh Đông
292	Nguyễn Văn Cua	01/01/1940		Tổ 05, Vĩnh Đông
293	Nguyễn Thị Mánh		01/01/1960	Tổ 05, Vĩnh Đông
294	Nguyễn Hồng Y	05/05/1952		Tổ 06, Vĩnh Đông
295	Neàng Se		01/01/1956	Tổ 01, Chơn Cô
296	Neàng Nâu		01/01/1942	Tổ 01, Chơn Cô
297	Chau Thê	01/01/1967		Tổ 02, Chơn Cô
298	Chau Sơn	01/01/1980		Tổ 02, Chơn Cô
299	Neàng Rương		01/01/1944	Tổ 02, Chơn Cô
300	Neàng Chanh Thu		06/06/1992	Tổ 02, Chơn Cô

301	Neàng Nang		01/01/1957	Tổ 02, Chơn Cô
302	Võ Quế Lâm	01/01/1970		Tổ 3, Chơn Cô
303	Chau Sóc Phol	01/01/1952		Tổ 04, Chơn Cô
304	Neàng Sóc Van		01/01/1970	Tổ 04, Chơn Cô
305	Chau Iêm	05/09/1953		Tổ 04, Chơn Cô
306	Võ Văn Thành	20/10/1990		Tổ 04, Chơn Cô
307	Neàng Nương		01/01/1962	Tổ 05, Chơn Cô
308	Neàng Ny		01/1/1947	Tổ 5, Ấp Chơn Cô
309	Neàng Sóc Kha		01/01/1973	Tổ 06, Chơn Cô
310	Chau Mây	01/01/1959		Tổ 07, Chơn Cô
311	Chau Sóc Tha	01/1/1975		Tổ 07, Chơn Cô
312	Neàng Sua		01/1/1962	Tổ 8, Chơn Cô
313	Lê Thị U		01/1/1932	Tổ 09, Chơn Cô
314	Neàng Póc		01/01/1958	Tổ 09, Chơn Cô
315	Chau Tuốch	01/01/1967		Tổ 1 Pô Thi
316	Chau Chanh	01/01/1958		Tổ 3 Pô Thi
317	Neàng Pha		01/1/1955	Tổ 3 Pô Thi
318	Neàng Sôm		01/1/1937	Tổ 3 Pô Thi
319	Nèang Nhây		01/1/1954	Tổ 3 Pô Thi
320	Chau Bâm	01/01/1945		Tổ 4 Pô Thi
321	Neàng Vươn		01/1/1976	Tổ 4, Pô Thi
322	Neàng Phenh		28/01/1950	Tổ 4, Pô Thi
323	Chau Nhanl	01/01/1952		Tổ 5 Pô Thi
324	Nèang Sa Huỳnh		01/01/1982	Tổ 5 Pô Thi
325	Neàng Sóc		01/1/1957	Tổ 5 Pô Thi
326	Neàng Dương		01/1/1941	Tổ 5 Pô Thi
327	Kim Thị Giêng		01/1/1957	Tổ 5 Pô Thi
328	Neàng Tiết		06/06/1970	Tổ 5 Pô Thi
329	Chau Sin	02/01/1940		Tổ 5 Pô Thi
330	Nèang Sua		01/01/1950	Tổ 6 Pô Thi
331	Lâm Thị Hết		08/03/1960	Tổ 6 Pô Thi
332	Trương Thành Hiệp	01/01/1964		Tổ 8 Pô Thi
333	Nguyễn Văn Sơn	04/07/1975		Tổ 8 Pô Thi
334	Neàng Nho		01/01/1959	Tổ 8, Pô Thi
335	Neàng Kinh		01/1/1973	Tổ 9 Pô Thi
336	Nèang Trấp		01/01/1980	Tổ 9 Pô Thi
337	Neàng Nhây		01/01/1965	Tổ 9 Pô Thi
338	Neàng Dônl		01/01/1950	Tổ 9 Pô Thi
339	Neàng Dunl		01/01/1929	Tổ 9 Pô Thi

340	Chau Sưng	01/1/1929		Tổ 9 Pô Thi
341	Neàng Nhây		01/01/1959	Tổ 9 Pô Thi
342	Chau Ron	01/01/1960		Tổ 9, Pô Thi
343	Neàng Nương		07/07/1979	Tổ 9 Pô Thi
344	Chau Ninh	01/01/1971		Tổ 9 Pô Thi
345	Chau Đul	01/01/1950		Tổ 9 Pô Thi
346	Neàng Niêng		01/01/1944	Tổ 9 Pô Thi
347	Chau Nắt	01/01/1950		Tổ 9 Pô Thi
348	Nèang Nên		04/02/1956	Tổ 9 Pô Thi
349	Nèang Dênh		01/01/1954	Tổ 9 Pô Thi
350	Chau Pích	01/01/1992		Tổ 9 Pô Thi
351	Nèang Riêng		19/05/1990	Tổ 9 Pô Thi
352	Chau Theo	04/02/1965		Tổ 9 Pô Thi
353	Chau Iêm	06/12/1938		Tổ 10 Pô Thi
354	Chau Ênl	01/01/1935		Tổ 11 Pô Thi
355	Nèang Châm		03/4/1968	Tổ 11 Pô Thi
356	Nèang Thăm		10/10/1951	Tổ 11 Pô Thi
357	Neáng Phướl		01/01/1944	Tổ 11 Pô Thi
358	Chau Sênh	01/01/1940		Tổ 11 Pô Thi
359	Neáng Hiêm		01/01/1944	Tổ 11 Pô Thi
360	Nèang Kim Anh		03/08/1977	Tổ 11 Pô Thi
361	Nèang Khung		01/01/1954	Tổ 11 Pô Thi
362	Nèang Sóc Kha		07/07/1980	Tổ 11 Pô Thi
363	Chau Rương	03/09/1979		Tổ 11 Pô Thi
364	Chau Hên	01/01/1954		Tổ 11 Pô Thi
365	Nèang Ưa		01/01/1960	Tổ 11 Pô Thi
366	Neàng Kim Chua		11/10/1988	Tổ 11 Pô Thi
367	Neàng Khút		05/04/1955	Tổ 12 Pô Thi
368	Châu Khanh	01/01/1944		Tổ 12 Pô Thi
369	Nèang Chanh Đươnl		03/03/1986	Tổ 12 Pô Thi
370	Neáng Sonl		01/01/1954	Tổ 12 Pô Thi
371	Chau Lót	01/01/1958		Tổ 13 Pô Thi
372	Neàng Oanh Na		01/1/1967	Tổ 01, Ba Xoài
373	Huỳnh Văn Quẹo	10/05/1987		Tổ 01, Ba Xoài
374	Neàng Ét		1/1/1971	Tổ 01, Ba Xoài
375	Phan Văn Banh	20/05/1952		Tổ 01, Ba Xoài
376	Lâm Thị Huệ		01/01/1969	Tổ 02 Ba Xoài
377	Chau Sóc Khon	11/6/1986		Tổ 02 Ba Xoài
378	Chau Chươnl	1/1/1962		Tổ 02 Ba Xoài

379	Chau Chum Ly	13/12/1977		Tổ 02 Ba Xoài
380	Neàng Ươnl		01/01/1980	Tổ 02 Ba Xoài
381	Trịnh Thị Đồng		01/03/1960	Tổ 02 Ba Xoài
382	Chau Săng	1/1/1968		Tổ 02 Ba Xoài
383	Chau Bên	01/1/1975		Tổ 03, Ba Xoài
384	Nèang Pha Ly		10/12/1987	Tổ 03, Ba Xoài
385	Neàng Dương		01/1/1983	Tổ 03, Ba Xoài
386	Neàng Vônl		01/1/1965	Tổ 03, Ba Xoài
387	Neàng Lây		01/1/1967	Tổ 03, Ba Xoài
388	Neàng Sa lây		1/1/1970	Tổ 03, Ba Xoài
389	Chau Inh	01/1/1938		Tổ 04, Ba Xoài
390	Chau Sóc	01/1/1971		Tổ 04, Ba Xoài
391	Neàng Sóc		10/02/1972	Tổ 04, Ba Xoài
392	Neàng Nhép		01/01/1939	Tổ 04, Ba Xoài
393	Neàng Ên		01/01/1934	Tổ 04, Ba Xoài
394	Neàng Phon		12/8/1951	Tổ 05, Ba Xoài
395	Hồ Thị Giỏi		01/01/1944	Tổ 05, Ba Xoài
396	Đặng Thị Thu Hai		01/01/1966	Tổ 05, Ba Xoài
397	Nguyễn Văn Nguyền	01/1/1970		Tổ 06, Ba Xoài
398	Trần Văn Thành	01/1/1943		Tổ 06, Ba Xoài
399	Trần Lý Cu	01/1/1962		Tổ 06, Ba Xoài
400	Đặng Kim Dung		07/7/1963	Tổ 06, Ba Xoài
401	Trần Thị Lạnh		10/11/1981	Tổ 06, Ba Xoài
402	Lê Thị Út		5/5/1988	Tổ 06, Ba Xoài
403	Lê Thị Tốt		01/01/1953	Tổ 06, Ba Xoài
404	Đỗ Thị Hào		06/10/1960	Tổ 06, Ba Xoài
405	Trần Minh Rồng	27/04/1954		Tổ 06, Ba Xoài
406	Nguyễn Văn Sơn	06/02/1962		Tổ 06, Ba Xoài
407	Nguyễn Văn Hùng	01/01/1981		Tổ 06, Ba Xoài
408	Nguyễn Thị Ổn		10/11/1977	Tổ 06, Ba Xoài
409	Trần Văn Hải	01/01/1967		Tổ 06, Ba Xoài
410	Trịnh Văn Dễ	01/01/1980		Tổ 06, Ba Xoài
411	Nguyễn Văn Tú	01/1/1957		Tổ 07, Ba Xoài
412	Chau Chhôi	24/2/1989		Tổ 07, Ba Xoài
413	Trần Thị Thanh Nga		07/09/1979	Tổ 07, Ba Xoài
414	Trần Văn Cưng	15/02/1943		Tổ 07, Ba Xoài
415	Chau Ươnl	01/1/1954		Tổ 08, Ba Xoài
416	Neàng Kết		01/1/1962	Tổ 08, Ba Xoài
417	Nèang Kết		01/1/1969	Tổ 08, Ba Xoài

418	Neàng Mon		01/01/1946	Tổ 08, Ba Xoài
419	Chau Ton	01/01/1974		Tổ 08, Ba Xoài
420	Chau Thu	01/01/1972		Tổ 08, Ba Xoài
421	Neàng Ét		01/1/1975	Tổ 09, Ba Xoài
422	Neàng Thu		01/01/1954	Tổ 09, Ba Xoài
423	Neàng Kunh		01/01/1960	Tổ 09, Ba Xoài
424	Neàng Man		01/01/1965	Tổ 09, Ba Xoài
425	Chau Thươnl	09/01/1991		Tổ 09, Ba Xoài
426	Chau Sam	09/09/1968		Tổ 09, Ba Xoài
427	Neàng Nghiếth		01/1/1950	Tổ 10, Ba Xoài
428	Chau Khanh	01/1/1935		Tổ 10, Ba Xoài
429	Neàng Dếp		01/1/1955	Tổ 10, Ba Xoài
430	Neàng Sonl		06/5/1965	Tổ 10, Ba Xoài
431	Thạch Sang	08/1/1981		Tổ 10, Ba Xoài
432	Chau Kinh	01/01/1973		Tổ 10, Ba Xoài
433	Neàng Conl		01/1/1979	Tổ 11, Ba Xoài
434	Chau Sóc	1/1/1975		Tổ 11, Ba Xoài
435	Chau Qui	01/01/1973		Tổ 11, Ba Xoài
436	Chau Nho	01/01/1975		Tổ 11, Ba Xoài
437	Neàng Tróp		01/01/1952	Tổ 11, Ba Xoài
438	Chau Sây	01/01/1970		Tổ 12, Ba Xoài
439	Chau Sơn	01/01/1971		Tổ 12, Ba Xoài
440	Chau Sóc	01/1/1955		Tổ 13, Ba Xoài
441	Neàng Tính		01/1/1993	Tổ 13, Ba Xoài
442	Neàng Donh		20/02/1952	Tổ 14 Ba Xoài
443	Chau Cu	01/01/1969		Tổ 14 Ba Xoài
444	Neàng Mai		01/01/1973	Tổ 14 Ba Xoài
445	Ngô Văn Tốt	01/01/1950		Tổ 15, Ba Xoài
446	Neàng Chanh Thươnl		21/2/1990	Tổ 15, Ba Xoài
447	Chau Donl	01/1/1967		Tổ 15, Ba Xoài
448	Neàng Rinh		01/1/1958	Tổ 15, Ba Xoài
449	Neáng Phinh		01/1/1968	Tổ 15, Ba Xoài
450	Chau Sớp	01/1/1985		Tổ 15, Ba Xoài
451	Neáng Pho Ly		01/01/1970	Tổ 15, Ba Xoài
452	Phạm Văn Suốl	06/07/1967		Tổ 15, Ba Xoài
453	Chau Mao	01/01/1967		Tổ 15, Ba Xoài
454	Neàng Ương		01/01/1975	Tổ 15, Ba Xoài
455	Neàng Nhây		01/01/1947	Tổ 15, Ba Xoài
456	Châu Thị Ánh Nguyệt		01/01/1961	Tổ 15, Ba Xoài

457	Lê Văn Chênh	30/05/1973		Tổ 15, Ba Xoài
458	Huỳnh Văn Quang	01/01/1964		Tổ 16, Ba Xoài
459	Võ Thị Hồng		01/1/1947	Tổ 16, Ba Xoài
460	Phan Thị Mãnh Kim		01/01/1978	Tổ 16, Ba Xoài
461	Lê Thị Nguyên		19/09/1952	Tổ 16, Ba Xoài
462	Nguyễn Văn Lâu	09/01/1974		Tổ 16, Ba Xoài
463	Neàng Sao		01/01/1942	Tổ 01, Bà Đen
464	Neàng Túch		01/01/1940	Tổ 1 Bà Đen
465	Chau Kha	01/01/1973		Tổ 01 Bà Đen
466	Neàng Hum		26/03/1960	Tổ 2 Bà Đen
467	Neàng Rách		15/09/1935	Tổ 2 Bà Đen
468	Neàng Dương		05/07/1999	Tổ 02, Bà Đen
469	Neàng Nhây		11/02/1957	Tổ 03, Bà Đen
470	Neàng Đi na		02/01/2000	Tổ 03 Bà Đen
471	Neàng Sóc Phi		03/04/2004	tổ 03 Bà Đen
472	Neàng Hương		01/01/1995	tổ 03 Bà Đen
473	Neàng Ranl		06/06/1990	tổ 03 Bà Đen
474	Neàng Sóc Bi		01/01/1952	Tổ 03, Bà Đen
475	Neàng Đa Nết		28/06/2004	Tổ 04, Bà Đen
476	Neàng Khươnl		01/1/1954	Tổ 04 Bà Đen
477	Neàng Cương		01/1/1963	Tổ 4 Bà Đen
478	Neàng Dươnl		01/01/1969	Tổ 04, Bà Đen
479	Chau Ni	15/11/1987		Tổ 04, Bà Đen
480	Chau Chiêm	01/01/1950		Tổ 05, Bà Đen
481	Nèang Kun Thia		04/7/2004	Tổ 6 Bà Đen
482	Chau Monh	03/4/1966		Tổ 6 Bà Đen
483	Neáng Thương		01/01/1985	Tổ 06, Bà Đen
484	Chau Chanh	01/01/1980		Tổ 06, Bà Đen
485	Neàng Rươnl		01/01/1991	Tổ 07, Bà Đen
486	Neàng Rết		01/01/1995	Tổ 07, Bà Đen
487	Neàng Kiêm		01/01/1980	Tổ 07, Bà Đen
488	Neàng Thonl		01/01/1957	tổ 07 Bà Đen
489	Chau Sonl	01/01/1942		Tổ 07, Bà Đen
490	Neàng Dâm		01/1/1975	Tổ 07 Bà Đen
491	Neàng Dếch		01/1/1973	Tổ 7 Bà Đen
492	Neáng Sóc Kiêm		01/1/1957	Tổ 7 Bà Đen
493	Neàng Keo		01/01/1971	Tổ 07, Bà Đen
494	Neàng Non		01/01/1985	Tổ 07, Bà Đen
495	Neàng Tha		01/01/1975	Tổ 08, Bà Đen

496	Chau Chon	15/05/1948		Tổ 08, Bà Đen
497	Chau Chhên	01/1/1985		Tổ 8 Bà Đen
498	Chau Don	30/12/1941		Tổ 8 Bà Đen
499	Neàng Don		01/01/1958	Tổ 01, Soài Chếk
500	Neàng Sóc Khanh		01/01/1970	Tổ 1 Soài Chếk
501	Neàng Dol		01/01/1970	Tổ 1 Soài Chếk
502	Neàng Rích Ta Na		10/05/1981	Tổ 1 Soài Chếk
503	Neàng Phách		30/12/1930	Tổ 1, Soài Chếk
504	Nèang Tuốch		01/01/1970	Tổ 1, Soài Chếk
505	Neàng Kim Sông		01/01/1956	Tổ 1, Soài Chếk
506	Chau Sơn	05/05/1987		Tổ 1, Soài Chếk
507	Neàng Dươnl		01/01/1959	Tổ 1, Soài Chếk
508	Neàng Giết		01/01/1965	Tổ 1 Soài Chếk
509	Chau Ra	01/01/1985		Tổ 1 Soài Chếk
510	Neàng Sóc Bươn		01/01/1968	Tổ 2, Soài Chếk
511	Nèang Phượng		01/01/1979	Tổ 3, Soài Chếk
512	Neang Rươnl		01/01/1967	Tổ 3, Soài Chếk
513	Chau Duônl	01/01/1950		Tổ 3, Soài Chếk
514	Neàng Kim Hu		01/01/1956	Tổ 3, Soài Chếk
515	Chau Doi	01/01/1964		Tổ 4, Soài Chếk
516	Neàng Phonh		01/01/1933	Tổ 4, Soài Chếk
517	Neàng Phan		01/01/1948	Tổ 4, Soài Chếk
518	Chau Hong	01/01/1961		Tổ 4, Soài Chếk
519	Neáng Thương		01/01/1982	Tổ 4, Soài Chếk
520	Neàng Quanh Ni		01/01/1979	Tổ 4, Soài Chếk
521	Neàng Diêm		01/01/1940	Tổ 5, Soài Chếk
522	Neang Sa Quách		01/01/1979	Tổ 5, Soài Chếk
523	Lê Văn Phi	05/09/1979		Tổ 5, Soài Chếk
524	Nguyễn Thị Chung		01/01/1951	Tổ 5, Soài Chếk
525	Neàng Siêu		01/01/1969	Tổ 5, Soài Chếk
526	Nèang Khênl		09/06/1986	Tổ 6, Soài Chếk
527	Néang Khum		14/03/1970	Tổ 6 Soài Chếk
528	Neàng Minh		01/01/1925	Tổ 7 Soài Chếk
529	Chau Phanh	29/10/1968		Tổ 7 Soài Chếk
530	Chau Kim Hương	01/01/1968		Tổ 7 Soài Chếk
531	Chau Ét	01/01/1945		Tổ 7 Soài Chếk
532	Nèang Chanh Ny		01/01/1974	Tổ 7 Soài Chếk
533	Chau Chanh Nương	10/11/1972		Tổ 7 Soài Chếk
534	Nguyễn Văn Tươi	01/01/1965		Tổ 7 Soài Chếk

535	Chau Sa Vung	01/01/1978		Tổ 07 Soài Chếk
536	Chau Rôm Phia	01/01/1986		Tổ 07 Soài Chếk
537	Chau Say	01/01/1941		Tổ 08 Soài Chếk
538	Neàng Chanh Bô Na		09/08/1997	Tổ 08 Soài Chếk
539	Neàng Bi		01/01/1930	Tổ 8 Soài Chếk
540	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/1946	Tổ 8 Soài Chếk
541	Nèang Nho		01/01/1957	Tổ 08 Soài Chếk
542	Nèang Ly		01/01/1971	Tổ 08 Soài Chếk
543	Nèang Sóc Khanh	01/01/1986		Tổ 08 Soài Chếk
544	Neàng Nâu		01/01/1949	Tổ 9 Soài Chếk
545	Phan Văn Tư	01/01/1962		Tổ 9, Soài Chếk
546	Huỳnh Minh Dương	01/01/1983		Tổ 9 Soài Chếk
547	Nèang Dal		28/09/1950	Tổ 9, Soài Chếk
548	Nèang Rom		10/05/1994	Tổ 9, Soài Chếk
549	Chau Sunh	07/10/1944		Tổ 10, Soài Chếk
550	Chau Pấp	07/10/1940		Tổ 10, Soài Chếk
551	Neàng Sơm Bách		01/01/1978	Tổ 10 Soài Chếk
552	Nèang Mênh		01/01/1959	Tổ 10, Soài Chếk
553	Chau Ke	28/06/1951		Tổ 10 Soài Chếk
554	Chau Thi	10/06/1976		Tổ 10 Soài Chếk
555	Nèang Sóc Ra		12/10/1971	Tổ 10 Soài Chếk
556	Chau Sâm Ôl	01/01/1988		Tổ 10 Soài Chếk
557	Neàng Sậy Mum		01/01/1993	Tổ 10 Soài Chếk
558	Chau Sóc Honh	10/07/1984		Tổ 10 Soài Chếk
559	Neàng Mon		01/1/1961	Tổ 1, Vĩnh Thượng
560	Neáng Siêng		01/1/1950	Tổ 1, Vĩnh Thượng
561	Chau Thương	01/01/1967		tổ 01, Vĩnh Thượng
562	Neàng Phiếp		01/01/1971	tổ 01, Vĩnh Thượng
563	Neàng Kha Man	01/01/1964		tổ 01, Vĩnh Thượng
564	Chau Menh	01/01/1950		tổ 01, Vĩnh Thượng
565	Chau Quinh	01/01/1968		tổ 01, Vĩnh Thượng
566	Neáng Nhấp		01/01/1950	tổ 01, Vĩnh Thượng
567	Neáng Chanh Tha		01/01/1983	tổ 01, Vĩnh Thượng
568	Chau Hum	01/01/1971		Tổ 2, Vĩnh Thượng
569	Neàng Sóc Kanh		01/1/1977	Tổ 2, Vĩnh Thượng
570	Neàng Sanh		01/1/1957	Tổ 2, Vĩnh Thượng
571	Chau Sóc Ny	01/01/1986		tổ 02, Vĩnh Thượng
572	Chau Đa Ny	07/05/1988		tổ 02, Vĩnh Thượng
573	Neàng Chanh Non		01/01/1993	tổ 02, Vĩnh Thượng

574	Neàng Chanh		30/03/1981	tổ 02, Vĩnh Thượng
575	Chau Sêng	01/01/1971		tổ 02, Vĩnh Thượng
576	Chau Khanh	06/06/1969		tổ 02, Vĩnh Thượng
577	Chau Quanh	01/01/1970		tổ 03, Vĩnh Thượng
578	Neàng Ka Thươnl		22/06/1994	tổ 03, Vĩnh Thượng
579	Neàng Đô Ra		10/02/1989	tổ 03, Vĩnh Thượng
580	Chau Khonl	01/1/1949		Tổ 3, Vĩnh Thượng
581	Neàng Nhây		17/01/1955	Tổ 03, Vĩnh Thượng
582	Neang Vum		01/01/1970	Tổ 3, Vĩnh Thượng
583	Chau Tiêng	01/01/1980		Tổ 3, Vĩnh Thượng
584	Neàng Viên		01/01/1965	Tổ 3, Vĩnh Thượng
585	Neàng Sà Quết		01/01/1976	Tổ 03, Vĩnh Thượng
586	Chau Dưng	01/1/1945		Tổ 4, Vĩnh Thượng
587	Neàng Manl		01/1/1973	Tổ 4, Vĩnh Thượng
588	Chau Dan	01/1/1967		Tổ 4, Vĩnh Thượng
589	Neàng Éth		01/01/1967	Tổ 4, Vĩnh Thượng
590	Chau Ớt	01/01/1965		tổ 05, Vĩnh Thượng
591	Chau Sa Rên	01/01/1982		tổ 05, Vĩnh Thượng
592	Neàng Nanh		13/03/1963	tổ 05, Vĩnh Thượng
593	Neàng Chanh Thi		01/06/1966	tổ 05, Vĩnh Thượng
594	Chau Kheng	01/01/1960		tổ 05, Vĩnh Thượng
595	Neàng Srây		04/07/1971	tổ 6, vĩnh Thượng
596	Chau Ninh	01/01/1970		tổ 6, vĩnh Thượng
597	Neàng Thương		01/01/1971	tổ 6, vĩnh Thượng
598	Neàng Pênh		13/03/1961	tổ 6, vĩnh Thượng
599	Neàng Sâm		01/01/1978	tổ 6, vĩnh Thượng
600	Neàng Quết		01/1/1972	Tổ 6, Vĩnh Thượng
I.2	**Hộ thoát nghèo sau rà soát giai đoạn 2027-2030**			
II	**Hộ cận nghèo**			
II.1	**Hộ cận nghèo sau rà soát giai đoạn 2027-2030**			
II.2	**Hộ thoát cận nghèo sau rà soát giai đoạn 2027-2030**			